

KIỂM NGHIỆM CỤM HỖ TRỢ MA100, MA200

CHIẾN LƯỢC HÀNH ĐỘNG

ĐIỂM NHẤN ĐẦU TƯ

MUA

Đối với hoạt động trading, nhà đầu tư có thể xem xét giải ngân tỷ trọng nhỏ ở nhóm cổ phiếu có mức chiết khấu 15-20% kể từ đỉnh và đang tiệm cận hỗ trợ quanh đường MA100,200 ngày.

BÁN

Tận dụng các nhịp hồi phục để hạ tỷ lệ đòn bẩy, cơ cấu lại danh mục, khi bối cảnh chung của thị trường đang không thuận lợi

THEO DÕI

SSI

↑ 13,95%

VND 39.200

NHẬN ĐỊNH XU HƯỚNG VN-INDEX TRONG NGÀY

- **Diễn biến TTCK thế giới:** Phố Wall giảm điểm trong phiên ngày thứ Năm (18/4), với chỉ số S&P 500 ghi nhận phiên giảm thứ 5 liên tiếp - chuỗi phiên giảm dài nhất 6 tháng trở lại đây.
- **Xu hướng VN-Index ngắn hạn:** Thị trường hồi phục bất thành và suy yếu dần về cuối phiên. Tín hiệu hiện tại có thể tiếp tục gây sức ép lên thị trường trong thời gian tới và rủi ro điều chỉnh vẫn còn hiện hữu. Tuy nhiên, tạm thời thị trường sẽ nhận được hỗ trợ từ vùng 1.176 - 1.189 điểm, vùng MA100, MA200 ngày cũng là vùng MA(200) tuần, và nhiều khả năng sẽ có dao động thăm dò cung cầu quanh đó. Do vậy, NĐT cần thận trọng và giữ tỷ trọng danh mục ở mức an toàn, đồng thời gian sát diễn biến cung cầu tại vùng hỗ trợ để đánh giá lại trạng thái của thị trường.

Thị trường thế giới

Chỉ số	Điểm số	%Chg	YTD
Dow Jones	37.798,97	0,17	0,29
S&P 500	5.051,41	-0,21	5,90
Nasdaq	15.865,25	-0,12	5,69
VIX	18,40	-4,32	47,79
DAX	17.766,23	-1,44	6,06
FTSE 100	7.820,36	-1,82	1,13
CAC40	7.932,61	-1,40	5,16
Hang Seng	16.225,54	-0,14	-4,82

Nguồn: Bloomberg

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN-INDEX



Chỉ báo kỹ thuật

	Ngày	Tuần	Tháng
Xu hướng VN-Index	SELL	SELL	BUY

Chỉ báo kỹ thuật	Giá trị	Hành động
RSI (14)	32,27	SELL
MACD(12,26)	-7,16	SELL
ADX(14)	21,04	SELL
SMA5	1.232,02	SELL
SMA20	1.263,04	SELL
SMA50	1.245,57	SELL
SMA100	1.189,70	BUY
SMA200	1.176,29	BUY

ĐIỂM TIN CHÍNH

- TTCK Mỹ giảm điểm trong phiên ngày thứ Năm (18/4), với chỉ số S&P 500 ghi nhận phiên giảm thứ 5 liên tiếp – chuỗi phiên giảm dài nhất 6 tháng trở lại đây. Giá dầu thô chứng lại trong lúc chờ tin mới từ cuộc khủng hoảng địa chính trị ở Trung Đông.
- Đồng CNY của Trung Quốc đang ở mức thấp nhất trong 5 tháng sau khi đã mất giá khoảng 1,9% so với đồng USD trong năm nay do dòng vốn nước ngoài tiếp tục rút ra khỏi thị trường tài chính đang gặp khó khăn của nước này. Dự báo đồng CNY có thể suy yếu thêm nếu Fed tiếp tục duy trì lãi suất chính sách ở mức cao hiện tại đến cuối năm 2024.
- Kể từ đầu năm 2024 đến nay, tỷ giá trung tâm đã được NHNN đã nâng từ 23.848 VND/USD lên 24.231 VND/USD, tương ứng mức tăng 1,61%. Trong những năm gần đây, tỷ giá trung tâm thường chỉ tăng vào cuối năm và tương đối ổn định vào dịp đầu năm. Tại các ngân hàng Vietcombank, tỷ giá cũng liên tiếp tăng kịch trần quy định của NHNN trong ba phiên liên tiếp. Theo đó, tỷ giá bán ra USD đã tăng từ 24.495 VND/USD hồi đầu năm lên 25.400 VND/USD phiên 17/4, tương ứng mức mất giá 3,86%.
- **SHB:** SHB sẽ trình kế hoạch chia cổ tức 16%, bao gồm 5% cổ tức bằng tiền mặt và 11% bằng cổ phiếu. Tổng lợi nhuận dùng để chia cổ tức là gần 6.000 tỷ đồng. Đại hội sẽ được tổ chức vào chiều ngày 25/4 tại khách sạn Melia, số 44B Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.
- **FRT:** Năm 2024, FPT Retail đặt mục tiêu doanh thu cao kỷ lục 37.300 tỷ đồng, tăng 17% so với cùng kỳ. Chỉ tiêu lợi nhuận ở mức 125 tỷ đồng, cải thiện mạnh so với kết quả lỗ năm ngoái. Công ty bán lẻ này đặt mục tiêu sẽ mở mới thêm 400 cửa hàng Long Châu trong năm nay để đưa tổng số lên khoảng 1.900 điểm bán.
- **HSG:** Ngày 25/4 tới đây, CTCP Tập đoàn Hoa Sen sẽ chốt danh sách cổ đông chi trả cổ tức bằng tiền năm tài chính 2022-2023 với tỷ lệ 5%, tương ứng 1 cổ phiếu nhận được 500 đồng. Ngày giao dịch không hưởng quyền là ngày 24/4, thời gian thanh toán cổ tức dự kiến ngày 10/5.
- **GIL:** Trong năm 2024, Gilimex đặt kế hoạch doanh thu 1.500 tỷ đồng, tăng 60,2% so với cùng kỳ, lợi nhuận trước thuế dự kiến 100 tỷ đồng, tăng 99,9% so với thực hiện trong năm 2023 và cổ tức dự kiến 10%.
- **MSN:** Bloomberg dẫn nguồn tin cho biết CTCP Tập đoàn Masan đang cân nhắc niêm yết mảng hàng tiêu dùng. Thương vụ có khả năng sẽ trở thành đợt chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng (IPO) lớn nhất từ trước đến nay của Việt Nam.

Nguồn: VPBankS Research

Thị trường hàng hóa

Chỉ số	Giá (USD)	%Chg	YTD
Vàng	2.381,66	-0,05	15,45
Dầu WTI	84,99	-0,43	18,62
Dầu Brent	89,67	-0,39	16,39
Than	129,25	-0,39	-11,71
Đồng	9.468,00	-1,13	10,62
Quặng sắt	109,86	-1,20	-20,35
Thép	526,50	-0,19	-6,76

Thị trường ngoại tệ

Chỉ số	Giá	%Chg	YTD
DXY	106,291	0,03	4,89
USD/JPY	154,65	0,05	-8,80
USD/CNY	7,238	0,00	-1,91
EUR/USD	1,0625	0,06	-3,75
GBP/USD	1,243	0,03	-2,36

Lãi suất một số NHTW

NHTW	Lãi suất	Cuộc họp tiếp theo	Thay đổi gần nhất
FED	5,50%	01/05/2024	0
ECB	4,50%	11/04/2024	0
BOE	5,25%	09/05/2024	0
BOJ	0,10%	26/04/2024	0
SBV	6,50%	-	-50bp

Top 5 CP có GTGD lớn nhất

Mã CP	GTGD	Giá	%Chg
NVL	772,47	15.750	-4,55
DIG	1.367,46	30.100	-3,68
SSI	1.142,21	35.200	0,72
VHM	703,89	42.700	0,71
VIX	1.095,04	17.850	-1,65

Top 5 CP vốn hóa lớn nhất

Mã CP	Vốn hóa	Giá	%Chg
VCB	508.607,30	91.000	-1,09
BID	286.731,93	50.300	1,21
VHM	185.931,49	42.700	0,71
VIC	177.417,90	46.400	-1,28
CTG	182.848,22	34.050	1,79

Nguồn: Investing, Bloomberg, VPBankS Research

SSI

Khuyến nghị

Giá hiện tại

Giá mục tiêu

Tiềm năng tăng giá

Vùng giải ngân

Ngưỡng cắt lỗ

THEO DÕI

34.400

39.200

13,95%

32.700-34.000

<32.500

THÔNG TIN CẬP NHẬT DOANH NGHIỆP

- Chứng khoán SSI công bố kết quả kinh doanh công ty mẹ quý I với doanh thu hoạt động 1.920 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 727 tỷ đồng, tăng lần lượt 33% và 51% so với cùng kỳ năm trước. Đây cũng là mức lợi nhuận theo quý cao nhất trong khoảng 2 năm gần đây của công ty này.
- Giá trị tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) giảm 11% sau 3 tháng, về mức trên 39.000 tỷ đồng. Đáng chú ý trong đó, công ty đã hạ đáng kể lượng cổ phiếu và chứng chỉ quỹ.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT CỔ PHIẾU

- SSI để mất vùng MA100 trong phiên giao dịch ngày 17/04. Kể từ đỉnh, cổ phiếu đã giảm hơn 12%, chúng tôi kỳ vọng cổ phiếu sẽ sớm tìm lại được vùng cân bằng và hồi phục trở lại, nhất là khi vùng hỗ trợ MA200 ngay ở phía dưới. Đối với nhà đầu tư ưa mạo hiểm, có thể xem xét giải ngân 1 phần trong phiên giao dịch tới, vùng hỗ trợ mạnh 32.700-34.000 đồng.

Thông tin tài chính

	FY2021	FY2022	Q4 2023
DTT (tỷ đ)	7.443	6.336	2.047
LNTT (tỷ đ)	3.365	2.110	644
LNST (tỷ đ)	2.695	1.698	514
Nợ/VCSH (%)	219	125	186
ROE (%)	20,97	9,06	10,11
ROA (%)	6,23	3,30	3,78
EPS (VNĐ)	2.437,40	1.106,91	1530,85
P/E (lần)	19,97	15,99	24,27
P/B (lần)	3,59	1,18	2,41

Nguồn: VPBankS Research

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT CỔ PHIẾU



Chỉ báo kỹ thuật

	Ngày	Tuần	Tháng
Xu hướng	SELL	NEUTRAL	BUY
Chỉ báo kỹ thuật	Giá trị	Hành động	
RSI (14)	34,90	SELL	
MACD(12,26)	-0,37	SELL	
ADX(14)	18,77	SELL	
SMA5	35.850	SELL	
SMA20	37.390	SELL	
SMA50	36.610	SELL	
SMA100	34.780	SELL	
SMA200	32.730	BUY	

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
Danh mục theo dõi										
1	PVD	Theo dõi	28,5-29,5			34,5	28,8			
2	MBB	Theo dõi	21,6-22,3			25,5	21,2			
3	SSI	Theo dõi	32,7-34			39,2	32,5			
Danh mục cổ phiếu chạm điểm mua										
1	MWG	Nắm giữ	45-47,5	5/3/2024	47,5	54,3	44,2			5,05%
2	SSI	Mua	33-34,7	17/4/2024	34,7	39,2	32,8			-0,86%

Lưu ý: Các mã khuyến nghị đầu tư dựa trên yếu tố dòng tiền đầu cơ và có xu hướng tích lũy/tăng trong ngắn hạn theo phương pháp phân tích kỹ thuật.

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
1	MWG	Chốt lời	39,6-40,8	5/6/2023	40,8	54,8	37,8	31/7/2023	54	32,35%
2	NLG	Chốt lời	31,3-32,45	9/6/2023	32	38,3	30,2	18/7/2023	38,3	19,69%
3	MWG	Hạ tỷ trọng	39,6-40,8	5/6/2023	40,8	47,8	37,8	11/7/2023	48,8	19,61%
4	DGW	Chốt lời	54,5-56	16/2/2024	56	63,2	53,9	13/3/2024	64,3	16,07%
5	HCM	Chốt lời	21,1-22	20/12/2023	21,9	24,3	20,4	2/1/2024	25,4	15,98%
6	SSI	Chốt lời	27,8-28,8	26/10/2023	27,2	32,8	26,9	10/11/2023	31,5	15,81%
7	DBC	Chốt lời	20,3-20,6	20/6/2023	20,6	23,6	19,2	6/7/2023	23,85	15,78%
8	DGW	Chốt lời	32,4-33	16/5/2023	33	37,2	30,7	6/6/2023	37,8	14,55%
9	VPB	Chốt lời	18,6-19,2	26/4/2023	19,2	22,6	17,9	1/8/2023	21,95	14,32%
10	ANV	Chốt lời	34,8-36,3	11/9/2023	36,3	41,2	33,8	22/9/2023	41,2	13,50%
11	DGW	Chốt lời	49-51,5	21/11/2023	50	57,8	48	8/1/2023	56,7	13,40%
12	HCM	Chốt lời	25,9-26,3	12/6/2023	26,3	29,5	24,5	5/7/2023	29,8	13,31%
13	SSI	Chốt lời	28,0-28,6	1/8/2023	28,6	33,5	27,4	25/8/2023	32,3	12,94%
14	PVS	Chốt lời	30,4-31,2	22/8/2023	31,2	35,2	29,3	30/8/2023	35,2	12,82%
15	HPG	Chốt lời	24,8-25,8	22/8/2023	25,8	29,1	24	7/9/2023	29,1	12,79%
16	NKG	Chốt lời	17,3-17,7	5/7/2023	17,5	20,4	16,3	21/7/2023	19,7	12,57%
17	KSB	Chốt lời	26,6-27,1	8/6/2023	27,1	30,5	25,2	27/6/2023	30,5	12,55%
18	NKG	Chốt lời	20,3-20,8	24/11/2023	20,8	23,9	19,6	30/11/2023	23,35	12,26%
19	HAH	Chốt lời	34-35,5	23/11/2023	35	40,7	32,9	26/12/2023	39,2	12,00%
20	GVR	Chốt lời	18,9-19,3	28/6/2023	19,3	22,3	18	11/7/2023	21,6	11,92%
21	VCG	Chốt lời	25,5-26,2	18/8/2023	26,2	29,3	24,5	5/9/2023	29,3	11,83%

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN GẦN ĐÂY

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
1	VCI	Chốt lời	41,5-42,5	29/12/2023	42	48,2	40	21/2/2024	45	7,14%
2	DXG	Cắt lỗ	18,6-19,2	5/1/2024	19	21,5	18	23/2/2024	18	-5,26%
3	VHC	Chốt lời	63,5-65	19/2/2024	64,7	71,5	60,9	28/2/2024	70,9	9,58%
4	VGC	Chốt lời	51,8-53,5	31/1/2024	52,5	59,1	49,8	5/3/2024	56,9	8,19%
5	VCG	Cắt lỗ	24,8-25,2	29/1/2024	25,2	28,5	23,9	11/3/2024	23,9	-5,16%
6	DGW	Chốt lời	54,5-56	16/2/2024	56	63,2	53,9	13/3/2024	64,3	16,07%
7	VCI	Chốt lời	46-48	6/3/2024	47,5	55,2	44,5	15/3/2024	52,3	11,58%
8	VND	Cơ cấu	22,8-23,8	4/3/2024	23	27,3	21,8	26/3/2024	23,05	0,22%
9	NKG	Chốt lời	23-23,8	15/3/2024	23,75	27,6	22,4	28/3/2024	26,1	9,89%
10	VGC	Chốt lời	54-55,5	13/3/2024	55,5	61,8	51,8	2/4/2024	58,7	6,31%
11	KSB	Cơ cấu	25,5-26,5	15/3/2024	26,2	29,5	24,6	2/4/2024	26,2	0,00%
12	DPM	Cơ cấu	34,5-36	27/3/2024	35,85	39,8	33,8	2/4/2024	35,55	-0,84%
13	STB	Cắt lỗ	30-31,5	29/2/2024	31,3	35,6	29,1	5/4/2024	29,5	-5,75%
14	CII	Cắt lỗ	18,8-19,5	28/3/2024	19,3	21,8	18,5	5/4/2024	18,55	-3,89%
15	HSG	Cắt lỗ	22,8-24	3/4/2024	24	27,1	22,8	5/4/2024	22,8	-5,0%

Email: Chienluocthitruong@vpbanks.com.vn

Theo dõi chúng tôi tại:



Mã môi giới
116C820618



Mở tài khoản VPBankS tại:

Miễn trừ trách nhiệm:

Các thông tin, số liệu thống kê và khuyến nghị trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, được dựa trên các nguồn thông tin công bố đại chúng theo quy định của pháp luật, hoặc các nguồn thông tin mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy tính đến thời điểm phát hành báo cáo. Phòng Chiến lược thị trường chỉ sử dụng mà không thực hiện xác minh lại các thông tin này, do đó Phòng Chiến lược thị trường không đảm bảo về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Báo cáo được lập với mục đích dự báo, cảnh báo những rủi ro tiềm ẩn có thể xảy ra, được sử dụng như thông tin tham khảo trong nội bộ VPBankS và VPBank. Chúng tôi không chịu trách nhiệm với các lan truyền thông nằm ngoài phạm vi này.

Bản quyền báo cáo thuộc về VPBankS, mọi hành vi sao chép, sửa đổi từng phần hoặc toàn bộ báo cáo là vi phạm bản quyền.

1

2

3

TƯ VẤN ĐẦU TƯ

Khuyến nghị:

- ACE NĐT vẫn tiếp tục tận dụng những phiên tăng điểm chốt lời ngắn hạn và tái cấu trúc mua lại khi TT điều chỉnh giảm điểm.
- Vùng hỗ trợ chi số VNI: 1150-1165.

Ngày: 10/10/2024			
MICP	NVL	Tỷ lệ	
Mua	16-16.8		
Cắt lỗ	Dưới 14	-4.12%	
Chốt lời 1:(9%)	18-19	-13%-18%	
Chốt lời 2:(9%)	21-22	-18-37%	
MICP	MSN	Tỷ lệ	
Mua	85-86		
Cắt lỗ	Dưới 80	-6.5%	
Chốt lời 1:(9%)	72-75	-13%-14%	
Chốt lời 2:(9%)	Nằm chờ		
MICP	GEX	Tỷ lệ	
Mua	21-21.5		
Cắt lỗ	19.8	-4.4%	
Chốt lời 1:(9%)	23-24	-7%-12%	
Chốt lời 2:(9%)	25.5-26	-13%-24%	

Ngoài những cp theo nhóm ngành đặc thù đã khuyến nghị, ACE tham khảo thêm CP khác theo khuyến nghị.

CHỐT LÃI HÀNG NGÀY

Mô chứng khoán	MVG
Tổng khối lượng CK	180,000
Giá vốn trung bình	43.34
Gốc đầu tư	99800 đ
Giá trị thị trường	8,280,000,000 đ
Lãi/lỗ (tỷ kiến)	+479,500,200 đ (4.15%)

- Một số mã cổ phiếu đáng chú ý:
- BMP: Lợi nhuận sau thuế đạt 257 tỷ đồng, tăng nhẹ so với cùng kỳ.
 - ANV: Doanh thu đạt 4.439 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế chỉ còn 42 tỷ đồng, giảm lần lượt 9% và 94% so với năm 2022.
 - MCM: Doanh thu gần như đi ngang nhưng lợi nhuận sau thuế tăng 8% so với năm 2022.
 - MSB: Lợi nhuận trước thuế năm 2023 đạt 5.830 tỷ đồng, tăng nhẹ so với năm 2022.

Chúc mừng ACE đã mua HPG dưới 27.2 như khuyến nghị ngày 10/1, PVD giá 27.x theo khuyến nghị 22/1.

THAM GIA NHÓM ZALO



Quét mã hoặc truy cập
ginlabs.vn/room